

### 3. Sửa lại ý "b" của điểm 2.2 (Mục 2 Chương II).

Sửa F2 thành F1 ở dòng thứ 8 từ dưới lên (trang 3). Toàn văn cụm từ đó sẽ là "...được xuất khẩu sản phẩm từ thế hệ F1 trở đi,...".

### 4. Thêm điểm d vào Mục 5 (Chương II).

"d) Các loại thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật ngoài Danh mục được phép sử dụng ở Việt Nam, khi có yêu cầu nhập khẩu để sử dụng cho các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc phục vụ cho mục đích đặc biệt khác thì phải được Cục Bảo vệ thực vật cho phép nhập khẩu."

### 5. Điểm a Mục 1 (Chương III) sửa lại như sau:

"a) Cục Phát triển lâm nghiệp (Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; điện thoại (04) 8438813): Giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện Mục 1 của Chương II."

### 6. Mục 4 (Chương III) được bổ sung như sau:

"Thông tư này thay thế Thông tư số 41/2000/TT-BNN-KH ngày 13/4/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp và chuyển giao nhiệm vụ cấp giấy phép nhập khẩu khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi, gen cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật, thức ăn chăn nuôi và phân bón đã được quy định tại các Thông tư số 02/NN-KNKL/TT ngày 01/3/1997, số 09/NN-KNKL/TT ngày 17/9/1996 từ Vụ Khoa học, công nghệ và chất lượng sản phẩm sang Cục Khuyến nông - Khuyến lâm."

## II. Hiệu lực thi hành.

1. Ngoài những điểm sửa đổi, bổ sung trên, các nội dung khác trong Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 05 tháng 6 năm 2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, còn nguyên hiệu lực.

2. Thông tư này bãi bỏ các cụm từ: a) "...phải có giấy phép của Chi cục Kiểm lâm sở tại" ý thứ hai (b) điểm 1.2, Mục 1 Chương II, dòng 15 (từ trên xuống); b) "và các sản phẩm từ rừng trồng (trừ gỗ tròn, gỗ xẻ)" (tại điểm 1.3 Mục 1 Chương II) dòng 19 (từ trên xuống) ở trang 2; c) F2 ở dòng

thứ 8 dưới lên trang 3; d) " a) Chi cục Kiểm lâm sở tại: các trường hợp quy định tại điểm b, khoản 1.2 Mục 1 thuộc Chương II " ở trang 6 của Thông tư số 62/2001/TT-BNN ngày 05 tháng 6 năm 2001./.

Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

LÊ HUY NGỌ

**QUYẾT ĐỊNH số 75/2001/QĐ-BNN ngày 23/7/2001 về việc phê duyệt dự án Bảo tồn Vườn đen tại vùng Tây Bắc Việt Nam do Quý Margot Marsh, Mỹ và Tổ chức Bảo tồn động vật, thực vật hoang dã Quốc tế (FFI) - Chương trình Đông Dương đồng tài trợ.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Căn cứ Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Xét đề nghị của Cục Kiểm lâm - Công văn số 343/KL-BTTN về việc phê duyệt dự án hợp tác với FFI;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung dự án Bảo tồn Vườn đen tại vùng Tây Bắc Việt Nam do Quỹ Margot Marsh, Mỹ và Tổ chức bảo tồn động vật, thực vật hoang dã Quốc tế (FFI) - Chương trình Đông Dương đồng tài trợ, với các thông tin về dự án chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Bảo tồn Vườn đen tại vùng Tây Bắc Việt Nam.
2. Nhà tài trợ: Quỹ Margot Marsh, Mỹ và Tổ chức bảo tồn động vật, thực vật hoang dã Quốc tế (FFI) - Chương trình Đông Dương.
3. Cơ quan chủ quản dự án: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4. Cơ quan quản lý dự án: Cục Kiểm lâm.
5. Mục tiêu cụ thể của dự án: Củng cố việc sinh tồn cho loài Vườn đen tại vùng Tây Bắc Việt Nam nhằm mục đích xây dựng cơ sở cho việc bảo tồn bền vững động vật hoang dã nguy cấp tại Việt Nam và trên thế giới.
6. Thời gian thực hiện dự án: 1 năm (từ tháng 7 năm 2001 đến tháng 6 năm 2002).
7. Tổng kinh phí dự án: 18.700 đôla Mỹ, trong đó:
  - Quỹ Margot Marsh - Mỹ là 16.900 đô la,
  - Tổ chức FFI - Chương trình Đông Dương là 1.800 đô la.

**Điều 2.** Giao cho Cục Kiểm lâm chủ trì phối hợp với Tổ chức FFI - Chương trình Đông Dương và các cơ quan/địa phương liên quan tổ chức thực hiện dự án có hiệu quả theo nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định này, tuân thủ các quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA/viện trợ phi Chính phủ hiện hành của Bộ và của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ

Tổ chức Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và quy hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Cục trưởng Cục Kiểm lâm và lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn  
*Thứ trưởng*

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

**QUYẾT ĐỊNH số 76/2001/QĐ-BNN ngày 23/7/2001 về việc phê duyệt dự án Bảo tồn, khôi phục và sử dụng rừng ở các vùng núi Việt Nam do Quỹ Sáng kiến Đắc Uyn của Vương Quốc Anh viện trợ không hoàn lại.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);*

*Căn cứ Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;*

*Xét đề nghị của Công ty Giống lâm nghiệp Trung ương - Công văn số 216/KT ngày 28 tháng 5 năm 2001 về việc đề nghị được phối hợp thực*